

Số: 344/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề cương Chương trình phát triển, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn thành phố Đồng Nai, giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 20/11/2019;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/6/2025;

Thực hiện Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ và Kết luận số 205-KL/TW ngày 07/11/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 261/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ ban hành quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, xã hội;

Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19/9/2025 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 01/12/2025 trình Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Thực hiện Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay

*là thành phố Đồng Nai) về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm 2026-2030 của tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 497/TTr-SNV ngày 02/4/2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương Chương trình phát triển, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn thành phố Đồng Nai, giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Đánh giá toàn diện thực trạng phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) giai đoạn 2021-2025, tập trung vào quy mô, cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực; hệ thống chính sách và định chế phát triển nguồn nhân lực; tình hình sử dụng và phát huy nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các nhóm nguồn nhân lực xã hội chất lượng cao.

2. Phân tích bối cảnh mới và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực giai đoạn 2026-2030 gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Xác định quan điểm, mục tiêu, hệ thống chỉ tiêu chủ yếu về phát triển nguồn nhân lực thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045.

4. Dự kiến đề xuất các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về phát triển nguồn nhân lực; xây dựng danh mục các chương trình, dự án trọng điểm và xác định trách nhiệm tổ chức thực hiện của các sở, ban, ngành, địa phương.

*(Có Đề cương chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Chủ tịch UBND thành phố thành lập Tổ xây dựng, soạn thảo Chương trình.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày **28/5/2026**.

b) Sau khi Đề cương Chương trình được Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt, chủ động lập, trình thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng Chương trình đảm bảo theo đúng quy định.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày **10/6/2026**.

c) Tổng hợp, hoàn thiện Chương trình và báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất những vấn đề phát sinh (nếu có).

Thời gian hoàn thành: Trước ngày **25/6/2026**.

2. Sở Tài chính: Căn cứ Đề cương Chương trình được duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước, hướng dẫn Sở Nội vụ lập dự toán kinh phí xây dựng Chương trình để thẩm định, trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định đảm bảo đúng quy định.

3. Các sở, ban, ngành:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ quy định, chủ động phối hợp, cung cấp thông tin, số liệu, tài liệu có liên quan phục vụ xây dựng Chương trình theo Đề cương này và gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp (không chờ Văn bản đề nghị của Sở Nội vụ).

Thời gian hoàn thành: Trước ngày **25/5/2026**.

b) Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong quá trình tham mưu, xây dựng Chương trình và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND thành phố và trước pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao phụ trách.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT. UBND thành phố;
- Chánh, các PCVP. UBND thành phố;
- Lưu: VT, KGVX. (LP)



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Út**





## **ĐỀ CƯƠNG**

**Chương trình phát triển, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn thành phố Đồng Nai, giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045**  
(Kèm theo Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)

### **MỞ ĐẦU**

- 1. Sự cần thiết phải xây dựng Chương trình (Sở Nội vụ chủ trì tham mưu)**
- 2. Cơ sở pháp lý xây dựng Chương trình (Sở Nội vụ chủ trì tham mưu)**
- 3. Mục đích, nhiệm vụ của Chương trình (Các Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu).**
- 4. Đối tượng, phạm vi của Chương trình (Các Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu).**
- 5. Kết cấu của Chương trình (Sở Nội vụ chủ trì tham mưu)**

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, kiến nghị, Chương trình được cấu trúc thành 3 phần chính:

- a) Phần thứ nhất: Sự cần thiết, cơ sở pháp lý và dự báo phát triển nguồn nhân lực thành phố Đồng Nai.
- b) Phần thứ hai: Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển nguồn nhân lực thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045.
- c) Phần thứ ba: Tổ chức thực hiện Chương trình.

### **PHẦN THỨ NHẤT**

#### **SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

(Đánh giá thực trạng giai đoạn 2021-2025 và dự báo giai đoạn 2026-2030)

#### **I. Tổng quan tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025**

##### **1. Phát triển kinh tế (Sở Tài chính chủ trì tham mưu)**

Đánh giá khái quát tình hình phát triển kinh tế của thành phố, tập trung vào:

- Tăng trưởng GRDP và chuyển dịch cơ cấu kinh tế;
- Đầu tư phát triển các khu kinh tế, khu/cụm công nghiệp và doanh nghiệp;
- Tình hình xuất nhập khẩu;
- Thu, chi ngân sách và khả năng tạo nguồn lực cho phát triển nguồn nhân lực.

**2. Phát triển xã hội (Các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu).**

Đánh giá các lĩnh vực xã hội có tác động trực tiếp đến phát triển nguồn nhân lực, bao gồm:

- Văn hóa, thể thao;
- Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân;
- Giáo dục và đào tạo;
- Giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng đời sống dân cư.

## **II. Thực trạng phát triển nguồn nhân lực thành phố Đồng Nai giai đoạn 2021-2025**

**1. Tổng quan cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực của thành phố (Các Sở: Nội vụ; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu).**

Phân tích các nhóm chính sách chủ yếu tác động đến cung - cầu và chất lượng nguồn nhân lực, bao gồm:

- Chính sách phát triển kinh tế và thu hút đầu tư, nhằm mở rộng cầu lao động, đặc biệt là lao động có kỹ năng và trình độ cao;
- Chính sách dân số, y tế và chăm sóc sức khỏe, góp phần phát triển nguồn cung lao động về quy mô và thể chất;
- Chính sách giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- Chính sách lao động, việc làm, hướng tới toàn dụng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, phát triển việc làm thỏa đáng, năng suất và chất lượng;
- Chính sách phát triển nhân lực chất lượng cao, bao gồm thu hút, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ nhân tài.

**2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025**

**2.1. Quy mô, cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực (Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu).**

- Quy mô dân số và lực lượng lao động; cơ cấu theo giới tính, nhóm tuổi, khu vực thành thị - nông thôn; tỷ lệ tham gia lực lượng lao động.

- Chất lượng nguồn nhân lực về thể chất, trình độ giáo dục phổ thông và trình độ chuyên môn, kỹ thuật của lực lượng lao động.

- Thực trạng các nhóm nhân lực trụ cột, bao gồm: đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nhân lực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; đội ngũ doanh nhân.

**2.2. Sử dụng và toàn dụng nguồn nhân lực (Các Sở: Nội vụ; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Công Thương; Nông nghiệp và Môi trường; Dân tộc và Tôn giáo; Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu).**

- Thực trạng việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế, nghề nghiệp, vị thế việc làm; tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm.

- Thực trạng phát huy và sử dụng các nhóm nhân lực trụ cột và nhân lực chất lượng cao, tập trung vào:

+ *Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*<sup>1</sup>: cơ cấu, chất lượng, năng lực thực thi công vụ và mức độ đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

+ *Nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp và nhân lực trong các ngành, lĩnh vực kinh tế chủ lực* (công nghiệp mũi nhọn và nền tảng, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ chủ yếu): trình độ chuyên môn, kỹ năng quản trị và khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập;

+ *Nguồn nhân lực của các nhóm đặc thù* (đồng bào dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, lao động di cư): khả năng tiếp cận việc làm, đào tạo nâng cao kỹ năng và mức độ tham gia vào các khu vực kinh tế có năng suất cao.

### **3. Thực trạng các định chế phát triển nguồn nhân lực thành phố Đồng Nai**

#### **3.1. Hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe (Sở Y tế chủ trì tham mưu).**

Đánh giá mạng lưới cơ sở y tế; quy mô và chất lượng nhân lực y tế; khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ y tế; cơ chế tài chính, mức chi ngân sách và hiệu quả đầu tư cho y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

#### **3.2. Hệ thống giáo dục - đào tạo và phát triển kỹ năng (Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu).**

- *Giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông*: mạng lưới cơ sở giáo dục; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; chi ngân sách; chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- *Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học*: mạng lưới cơ sở GDNN và GDDH; quy mô và cơ cấu tuyển sinh; chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên; nội dung và phương thức đào tạo; kinh phí đào tạo.

#### **3.3. Hệ thống kết nối cung - cầu lao động (Sở Nội vụ chủ trì tham mưu).**

Đánh giá công tác hướng nghiệp; hoạt động dịch vụ việc làm; hệ thống thông tin thị trường lao động; mức độ kết nối giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khả năng hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp trong tuyển dụng và sử dụng lao động.

#### **4. Đánh giá mức độ gắn kết giữa đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực (Các Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu).**

- Mức độ phù hợp giữa cung và cầu lao động qua đào tạo theo ngành, nghề và trình độ kỹ năng.

<sup>1</sup> Bao gồm các lĩnh vực: nội vụ; giáo dục và đào tạo; y tế; nông nghiệp và môi trường; tài chính; công thương; văn hóa, thể thao và du lịch; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; xây dựng; tư pháp; công tác dân tộc và tôn giáo; ngoại vụ; thanh tra và hệ thống chính quyền địa phương.

- Thực trạng liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, đào tạo theo đơn đặt hàng, thực tập - thực hành và hỗ trợ việc làm.

- Cơ chế khuyến khích đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mức độ gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học với nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Hiệu quả các chính sách thu hút, sử dụng và phát huy nhân tài trong khu vực công và khu vực doanh nghiệp.

**5. Đánh giá chung (Các Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu đánh giá liên quan đến ngành, lĩnh vực).**

- Những kết quả đạt được trong phát triển nguồn nhân lực thành phố Đồng Nai;

- Những hạn chế, bất cập còn tồn tại;

- Nguyên nhân chủ yếu của các hạn chế, làm cơ sở đề xuất định hướng, mục tiêu và giải pháp cho giai đoạn 2026-2030.

**III. Bối cảnh và dự báo nhu cầu nhân lực trong một số ngành mũi nhọn của thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030 (Các Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu đánh giá liên quan đến ngành, lĩnh vực).**

**1. Bối cảnh tác động đến phát triển nguồn nhân lực**

- Quốc tế: chuyển dịch chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng; chuyển đổi số, kinh tế xanh; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; già hóa dân số và di cư lao động.

- Trong nước: định hướng phát triển kinh tế - xã hội; chuyển đổi mô hình tăng trưởng; cải cách thể chế và thị trường lao động; liên kết vùng và phát triển các ngành, lĩnh vực mũi nhọn.

**2. Phương pháp và kịch bản dự báo**

- Xây dựng các kịch bản dự báo.

- Áp dụng mô hình dự báo cung - cầu nguồn nhân lực gắn với cơ cấu ngành và định hướng phát triển của thành phố.

**3. Kết quả dự báo**

- Cung nhân lực: Quy mô, tốc độ tăng dân số và lực lượng lao động; cơ cấu lực lượng lao động theo giới tính, nhóm tuổi và trình độ kỹ năng; khả năng cung ứng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao;...

- Cầu nhân lực: Nhu cầu nhân lực theo trình độ và nhóm kỹ năng, trọng tâm là nhân lực chất lượng cao (lãnh đạo, quản lý; chuyên gia, kỹ thuật bậc cao); nhu cầu nhân lực theo ngành, lĩnh vực mũi nhọn và theo địa bàn phát triển; xu hướng biến đổi nhu cầu nhân lực và yêu cầu kỹ năng trong giai đoạn 2026-2030;...

## **PHẦN THỨ HAI**

### **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THU HÚT, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2026 – 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**

#### **I. Quan điểm**

Xác định các quan điểm chỉ đạo xuyên suốt trong phát triển, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 làm cơ sở định hướng xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, bảo đảm thống nhất với chủ trương của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu phát triển của thành phố .

**II. Mục tiêu (Các Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu đánh giá liên quan đến ngành, lĩnh vực).**

##### **1. Mục tiêu chung**

Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Đồng Nai toàn diện, có chất lượng, cơ cấu hợp lý và khả năng thích ứng cao, trong đó chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

##### **2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu chủ yếu**

Xác định các mục tiêu cụ thể và hệ thống chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, tập trung vào ba nhóm chỉ tiêu chính:

a) Nhóm chỉ tiêu về sức khỏe, tầm vóc và thể lực của dân số và nguồn nhân lực;

b) Nhóm chỉ tiêu về chất lượng nguồn nhân lực và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao;

c) Nhóm chỉ tiêu về việc làm, năng suất lao động và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.

d) Nhóm khác (nếu có - do các cơ quan, đơn vị đề xuất)

#### **III. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

**1. Nhiệm vụ trọng tâm (Các Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu đánh giá liên quan đến ngành, lĩnh vực).**

Xác định các nhiệm vụ chủ yếu nhằm cụ thể hóa các quan điểm và mục tiêu phát triển nguồn nhân lực thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045, làm cơ sở cho việc xây dựng và triển khai các giải pháp, chương trình và dự án ưu tiên.

## **2. Giải pháp chủ yếu**

Các giải pháp được hệ thống hóa thành 06 nhóm giải pháp trọng tâm, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn của thành phố :

- Nhóm 1. Đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực (*Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu liên quan đến ngành, lĩnh vực*).

- Nhóm 2. Phát triển hệ thống y tế, giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với nhu cầu thị trường lao động (*Các Sở: Nội vụ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu*).

- Nhóm 3. Phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực then chốt và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, cải cách hành chính và chuyển đổi số (*Các Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu liên quan đến ngành, lĩnh vực*).

- Nhóm 4. Phát triển thị trường lao động hiện đại; hỗ trợ di cư lao động linh hoạt, an toàn và hiệu quả (*Sở Nội vụ chủ trì tham mưu*).

- Nhóm 5. Phát triển nguồn nhân lực bao trùm, bảo đảm an sinh xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau, nhất là các nhóm yếu thế và khu vực đặc thù (*Các Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu liên quan đến ngành, lĩnh vực*).

- Nhóm 6. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển nguồn nhân lực (*Các Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu liên quan đến ngành, lĩnh vực*).

**3. Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên (*Các Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu liên quan đến ngành, lĩnh vực*).**

Xác định danh mục các chương trình, dự án trọng điểm, có tính lan tỏa, phục vụ trực tiếp việc thực hiện các mục tiêu và giải pháp của Chương trình trong giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045.

**IV. Tính khả thi và hiệu quả của Chương trình (*Các Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố theo chức năng, nhiệm vụ quy định chủ trì tham mưu liên quan đến ngành, lĩnh vực*).**

Đánh giá tính khả thi của Chương trình trên các phương diện thể chế, nguồn lực, tổ chức thực hiện và sự tham gia của các chủ thể liên quan; đồng thời làm rõ hiệu quả kinh tế - xã hội, tác động lan tỏa và đóng góp của Chương trình đối với phát triển bền vững của thành phố .

## **PHẦN THỨ BA**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

#### **I. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách thành phố và nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

**II. Thời gian và kế hoạch thực hiện, giai đoạn 2026 – 2030, định hướng đến năm 2045 (do các đơn vị đề xuất theo nhiệm vụ cụ thể của ngành, lĩnh vực mình phụ trách).**

#### **III. Phân công thực hiện**

Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm bảo đảm triển khai Chương trình đồng bộ, hiệu quả:

- Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn cấp thành phố ;
- Trách nhiệm của UBND các xã, phường;
- Trách nhiệm của của các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có).
- Khác.

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**